

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA NGÔN NGỮ CƠ THỂ LÊN KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH: MỘT NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

Nguyễn Hữu Phát*, Phạm Thanh Ngân
Khoa Ngoại ngữ, Đại học Trà Vinh
*Email: nhphat@tvu.edu.vn

Tóm tắt: Thuyết trình trước công chúng được cho là một phương thức giao tiếp hiệu quả, giúp người nói truyền đạt ý tưởng trong đa dạng ngữ cảnh khác nhau. Mục tiêu của nghiên cứu định tính hiện tại tập trung tìm hiểu nhận thức của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh về tác động của ngôn ngữ cơ thể lên kỹ năng thuyết trình. Nghiên cứu áp dụng phương pháp phân tích định tính thông qua các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với 6 sinh viên năm cuối chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Kết quả nghiên cứu đưa nhận định rằng phần lớn sinh viên tham gia phỏng vấn có nhận thức tích cực về vai trò của ngôn ngữ cơ thể trong việc cải thiện khả năng thuyết trình. Cụ thể, sinh viên cho rằng ngôn ngữ cơ thể giúp tăng sự tự tin, cải thiện khả năng diễn đạt để truyền tải được nội dung của bài thuyết trình tốt hơn và quan trọng hơn là thu hút sự chú ý từ khán giả. Dựa trên các kết quả được tìm ra, nghiên cứu đề xuất việc tích hợp sử dụng ngôn ngữ cơ thể vào giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh như một ngoại ngữ. Từ đó, chất lượng trong bài thuyết trình của sinh viên có thể đạt được những giá trị học thuật đáng trân trọng nhờ vào hiệu quả của việc tích hợp ngôn ngữ cơ thể.

Từ khóa: ngôn ngữ cơ thể, học tiếng Anh như một ngoại ngữ, sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, nhận thức, thuyết trình trước công chúng, phân tích định tính.

PERSPECTIVES OF ENGLISH MAJORS TOWARDS THE INFLUENCE OF BODY LANGUAGE ON PUBLIC SPEAKING: A QUALITATIVE STUDY

Abstract: Public speaking is considered an effective communication approach, allowing speakers to convey ideas in diverse contexts. This qualitative study focused on investigating the perspectives of English majors towards the influence of body language on public speaking. The study employed a qualitative approach through semi-structured interviews with 6 final-year English majors. Findings showed that the majority of English majors perceived positive perspectives towards the influence of body language on public speaking. Specifically, English majors believed that body language helps them increase confidence, improve the delivery of their presentations, and capture the audience's attention. Based on the findings, the study proposes integrating body language into the teaching of English as a foreign language speaking skills. Therefore, the quality of students' presentations can be enhanced by valuable academic achievement through the effective integration of body language.

Keywords: body language, EFL, English majors, perspectives, public speaking, qualitative analysis.

Nhận bài: 26/02/2026

Phản biện: 12/03/2026

Duyệt đăng: 16/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuyết trình trước công chúng là hoạt động trình bày và chia sẻ ý tưởng một cách công khai nhằm chủ động tác động đến quan điểm và hành động của người khác (Lucas & Stob, 2019). Trong bối cảnh kết nối toàn cầu, kỹ năng thuyết trình đã trở nên cực kỳ thiết yếu để đạt hiệu quả giao tiếp trong môi trường học tập và nghề nghiệp (Li & cộng sự, 2016). Đặc biệt, đối với sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh, khả năng thuyết trình được coi là rất quan trọng vì sinh viên không chỉ được kỳ vọng về năng lực ngôn ngữ mà còn trở thành hình mẫu giao tiếp cho sinh viên trong tương lai (Jasuli & cộng sự, 2024).

Tuy nhiên, sự thành công của một bài thuyết trình không chỉ phụ thuộc vào việc diễn đạt bằng lời nói. Kilag và cộng sự (2023) nhấn mạnh rằng thuyết trình trước công chúng còn liên quan đến việc sử dụng các yếu tố giao tiếp phi ngôn ngữ,

đặc biệt là ngôn ngữ cơ thể, nhằm truyền tải thông tin hiệu quả và thu hút sự chú ý của người nghe. Việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ cơ thể không chỉ giúp nâng cao sự tự tin và phong cách cho người nói mà còn giúp tăng sự tương tác của khán giả và làm cho thông điệp trở nên rõ ràng hơn (Adams, 2022). Do đó, việc kết hợp hiệu quả giữa yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ ngày càng trở nên cần thiết trong thế giới ngày nay, đặc biệt trong các chương trình giáo dục ngôn ngữ trong môi trường giáo dục đại học.

Ngôn ngữ cơ thể bao gồm nhiều hình thức biểu đạt phi ngôn ngữ khác nhau, giúp truyền đạt ý tưởng trong quá trình giao tiếp. Hình thức giao tiếp phi ngôn ngữ này sử dụng các chuyển động cơ thể như cử chỉ, tương tác mắt, biểu cảm khuôn mặt và tư thế đứng để giao tiếp với khán giả. Những yếu tố này thường phối hợp với nhau để nhấn mạnh

lời nói, làm rõ ý tưởng và thể hiện cảm xúc hoặc thái độ mà lời nói đôi khi không thể diễn đạt đầy đủ (Sharma, 2024). Theo Patel (2014), trong giao tiếp trực tiếp, phần lớn thông điệp được truyền tải thông qua hình thức phi ngôn ngữ.

Trong bối cảnh Việt Nam, Hồ và cộng sự (2025) chỉ ra rằng việc biểu đạt ngôn ngữ cơ thể kém hiệu quả, chẳng hạn như sử dụng chưa tốt tư thế, cử chỉ và giao tiếp bằng mắt, là một thách thức lớn đối với người thuyết trình. Những hạn chế này, cụ thể là việc sử dụng chưa tốt biểu cảm khuôn mặt, có thể làm giảm đáng kể sự rõ ràng và tính thuyết phục của bài thuyết trình (Oanh và cộng sự, 2016). Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu nhận thức của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh về tác động của ngôn ngữ cơ thể đến khả năng thuyết trình với câu hỏi nghiên cứu như sau:

Ngôn ngữ cơ thể ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh đến khả năng thuyết trình?

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu bao gồm 6 sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại một Đại học công lập ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Độ tuổi dao động từ 21 đến 23 và đều đang theo học năm cuối của chương trình Cử nhân Ngôn ngữ Anh. Tại thời điểm nghiên cứu được tiến hành, sinh viên đã hoàn thành hai học phần về thuyết trình trong chương trình đào tạo, bao gồm Hùng biện tiếng Anh Cơ bản (Foundation of Public Speaking) và Hùng biện tiếng Anh Nâng Cao (Advanced Public Speaking). Thông qua các học phần này, sinh viên đã được trang bị kiến thức về cấu trúc cơ bản của một bài thuyết trình và có kinh nghiệm thực hành trình bày nội dung trước lớp.

2.1.2. Công cụ nghiên cứu

Phỏng vấn bán cấu trúc được tiến hành để thu thập dữ liệu định tính. Phỏng vấn sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt nhằm đảm bảo người tham gia hiểu rõ câu hỏi và có thể chia sẻ một cách tự nhiên. Theo Karatsareas (2022), phỏng vấn bán cấu trúc bao gồm các câu hỏi linh hoạt, cho phép người tham gia phát triển ý tưởng của mình đồng thời tạo điều kiện để người nghiên cứu khai thác thêm những thông tin mới xuất hiện trong quá trình trao đổi.

Nội dung phỏng vấn xoay quanh bốn chủ đề chính (themes) về ảnh hưởng của ngôn ngữ cơ thể lên kỹ năng thuyết trình của sinh viên, bao gồm tác động tâm lý, tác động nhận thức, hiệu

quả của bài nói và sự tương tác với khán giả. Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài khoảng 10 đến 15 phút và được ghi âm và phiên âm lại để phục vụ cho quá trình phân tích dữ liệu định tính. Phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện với 6 sinh viên năm cuối chuyên ngành Ngôn ngữ Anh nhằm hiểu rõ hơn hình thức ngôn ngữ cơ thể ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về hiệu quả lên bài thuyết trình.

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. Kết quả nghiên cứu

2.2.1.1. Ảnh hưởng của ngôn ngữ cơ thể lên tâm lý của sinh viên khi thuyết trình

Phần lớn sinh viên bày tỏ rằng cử chỉ và chuyên động cơ thể giúp họ cảm thấy tự tin hơn và kiểm soát tốt hơn khi thuyết trình. Một sinh viên chia sẻ: “*Ngôn ngữ cơ thể giúp tôi trở nên tự tin vì nó giúp tôi không bị gò bó khi thuyết trình. Thay vào đó, tôi cảm thấy chủ động và kiểm soát được tình huống*”. Tương tự, một sinh viên khác cho rằng chuyên động cơ thể giúp họ cảm thấy thoải mái hơn và điều chỉnh bài thuyết trình tốt hơn: “*Tôi không bị đứng im một chỗ và cảm thấy thoải mái hơn. Khi thoải mái và tự tin, tôi cũng kiểm soát được tốc độ nói và giọng điệu tốt hơn*”. Bên cạnh đó, ngay cả những sinh viên từng trải qua lo lắng khi nói trước công chúng cũng xem ngôn ngữ cơ thể là một phương pháp hữu ích để xây dựng sự tự tin: “*Tôi rất dễ bị run khi nói nên nói không tự nhiên, nhưng sau khi sử dụng ngôn ngữ cơ thể nhiều thì ổn hơn. Giờ tôi có thể kết hợp cử chỉ khi nói một cách linh hoạt mà không bị gượng gạo*”.

Một số sinh viên cũng cho biết việc sử dụng cử chỉ giúp họ tập trung hơn vào việc truyền đạt nội dung thay vì lo lắng về việc mắc lỗi. Ngoài ra, các chuyên động cơ thể còn giúp duy trì nhịp trình bày và giảm cảm giác căng thẳng trong quá trình thuyết trình: “*Tôi thường dùng tay và gật đầu nhẹ khi chuyển ý để tạo sự nhịp nhàng. Nhờ vậy, bài nói trở nên mượt mà hơn và khán giả dễ theo dõi hơn. Bên cạnh đó, tôi cũng cảm thấy ít lo lắng hơn và tập trung hơn vào phần nói của mình*”.

2.2.1.2. Ảnh hưởng của ngôn ngữ cơ thể lên nhận thức của sinh viên khi thuyết trình

Khi được hỏi về tác động nhận thức của ngôn ngữ cơ thể lên bài thuyết trình, một số sinh viên cho biết việc sử dụng cử chỉ trong thuyết trình giúp khán giả dễ hình dung nội dung trình bày. Một sinh viên chia sẻ: “*Cử chỉ giúp người nghe hình dung rõ hơn điều tôi muốn trình bày. Đôi khi tôi dùng tay để mô tả hướng, kích thước hoặc nhấn mạnh những điểm quan trọng để làm cho*

thông tin trực quan hơn đối với người nghe". Sinh viên cũng cho rằng việc kết hợp cử động tay và biểu cảm khuôn mặt giúp khán giả tiếp cận thông tin dễ dàng hơn: *"Cử chỉ tay và biểu cảm khuôn mặt hỗ trợ rất nhiều cho việc giải thích. Nhờ đó, khán giả dễ hình dung hơn và tiếp thu thông tin nhanh hơn"*. Ngoài ra, tầm quan trọng của việc sử dụng cử chỉ phù hợp khi thuyết trình cũng được nhấn mạnh.

Ngoài việc làm rõ nội dung và cảm xúc, việc sử dụng biểu cảm khuôn mặt và các chuyển động cơ thể còn giúp bài thuyết trình trở nên sinh động và tự nhiên hơn. Một sinh viên chia sẻ: *"Tôi sử dụng tay, biểu cảm khuôn mặt và đôi khi nghiêng đầu khi nhấn mạnh một ý. Điều này giúp bài thuyết trình sinh động hơn và khiến khán giả chú ý đến các ý chính"*. Ngoài ra, sinh viên cũng cho rằng biểu cảm khuôn mặt giúp khán giả nhận ra cảm xúc và thông điệp của người nói dễ dàng hơn, đồng thời giúp họ cảm nhận được sự nhiệt tình và thái độ của người trình bày đối với chủ đề.

2.2.1.3. Ảnh hưởng của ngôn ngữ cơ thể lên hiệu quả bài thuyết trình của sinh viên

Kết quả phỏng vấn cho thấy phần lớn sinh viên cho rằng ngôn ngữ cơ thể giúp họ truyền đạt thông điệp rõ ràng hơn trong quá trình thuyết trình. Sử dụng cử chỉ giúp họ tổ chức ý tưởng và khiến nội dung bài nói dễ hiểu hơn đối với khán giả. Đặc biệt, sinh viên cho rằng cử chỉ tay là một phương tiện hiệu quả để nhấn mạnh các ý chính và thu hút sự chú ý của khán giả. Một sinh viên cho biết: *"Tôi thường dùng tay để nhấn mạnh các ý chính"*. Có thể thấy, cử chỉ đóng vai trò là tín hiệu trực quan giúp khán giả dễ dàng theo dõi nội dung phần trình bày của người nói.

Ngoài việc làm rõ nội dung, nhiều sinh viên cũng đánh giá cao vai trò của ngôn ngữ cơ thể trong việc tăng tính thuyết phục của bài thuyết trình. Sinh viên cho rằng việc sử dụng cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể phù hợp giúp thu hút sự chú ý của khán giả, đồng thời làm cho bài thuyết trình trở nên thuyết phục và đáng tin cậy hơn.

Ngoài ra, vai trò của khoảng cách giữa người nói và khán giả khi thuyết trình cũng được nhắc đến như một yếu tố quan trọng. Một số sinh viên cho rằng việc duy trì khoảng cách phù hợp với khán giả giúp tạo cảm giác kết nối và hỗ trợ giao tiếp hiệu quả hơn: *"Tôi dùng cử chỉ tay và hơi nghiêng người về phía người nghe để tạo cảm giác kết nối. Khoảng cách này khiến tôi cảm thấy*

gần gũi hơn với khán giả và giúp họ tiếp nhận thông tin dễ dàng hơn". Qua đó, sinh viên cho rằng việc đứng ở khoảng cách phù hợp giúp họ kiểm soát không gian và tương tác với khán giả hiệu quả hơn.

2.2.1.4. Ảnh hưởng của ngôn ngữ cơ thể lên mức độ thu hút từ khán giả

Về khía cạnh thu hút sự chú ý của khán giả, sinh viên nhận thấy khán giả thường chú ý hơn khi họ duy trì giao tiếp bằng mắt, mỉm cười hoặc sử dụng biểu cảm khuôn mặt phù hợp với nội dung. Một sinh viên chia sẻ rằng *"khán giả chú ý hơn khi tôi duy trì giao tiếp mắt và mỉm cười"*. Sinh viên khác cũng cho biết: *"Khi tôi thay đổi biểu cảm khuôn mặt tùy thuộc vào tình huống, khán giả cảm thấy thích thú hơn"*. Ngoài ra, sinh viên cũng nhận định rằng những biểu đạt phi ngôn ngữ này khiến khán giả cảm thấy được tôn trọng và quan tâm hơn, từ đó duy trì sự tập trung vào bài thuyết trình.

Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy ngôn ngữ cơ thể góp phần thúc đẩy sự tương tác và kết nối giữa người nói và khán giả. Nhiều sinh viên nhấn mạnh vai trò của giao tiếp bằng mắt trong việc tạo nên sự kết nối này. Cụ thể, sinh viên cho biết: *"Khi thuyết trình, tôi thường duy trì giao tiếp mắt đến nhiều người"*, trong khi một sinh viên khác chia sẻ: *"Tôi cố gắng hướng ánh mắt đến nhiều nhóm khán giả để tạo sự kết nối"*. Bên cạnh đó, cử chỉ và biểu cảm khuôn mặt cũng giúp người nói nhận biết phản ứng của khán giả và điều chỉnh cách trình bày cho phù hợp: *"Đôi lúc khán giả gật đầu và cười lại khi tôi đang thuyết trình. Nhờ đó, tôi có thể tự tin tiếp tục phần trình bày của mình"*.

2.2.2. Thảo luận

Kết quả từ dữ liệu phỏng vấn cho thấy sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có nhận thức tích cực về tác động của ngôn ngữ cơ thể lên bài thuyết trình. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu định lượng trước đó của nhóm tác giả (Pham & Nguyen, 2026).

Về khía cạnh tâm lý, sinh viên cho rằng ngôn ngữ cơ thể giúp tăng sự tự tin, giảm căng thẳng và lo lắng khi nói trước công chúng. Các chuyển động cơ thể có mục đích giúp người nói thoát khỏi cảm giác hồi hộp và tập trung vào việc thể hiện nội dung bài nói. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Ismayilli và cộng sự (2025) và Hadi và Prasanna Sree (2024), cho rằng ngôn ngữ cơ thể giúp giảm áp lực và tăng sự tự tin khi giao tiếp.

Về khía cạnh nhận thức, sinh viên cho rằng ngôn ngữ cơ thể giúp truyền tải cảm xúc, ý định và thái độ của người nói rõ ràng hơn, từ đó nâng cao khả năng tiếp nhận thông tin của người nghe. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu của Sharma (2024), cho thấy ngôn ngữ cơ thể hỗ trợ việc làm rõ và tăng khả năng hiểu của người nghe.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cho thấy cử chỉ tay và chuyển động cơ thể giúp truyền đạt thông tin hiệu quả hơn. Điều này tương đồng với các nghiên cứu trước đó cho rằng cử chỉ đóng vai trò như phương tiện trực quan, giúp làm rõ ngôn ngữ nói (Ardito & cộng sự, 2014; Chikiwa, 2021). Một số nghiên cứu cũng cho thấy cử chỉ là hình thức ngôn ngữ cơ thể được sinh viên sử dụng thường xuyên nhất trong các lớp học thuyết trình (Nguyen, 2025).

Xét về khả năng kết nối với khán giả, ngôn ngữ cơ thể, đặc biệt là giao tiếp bằng mắt, giúp thu hút sự chú ý, tăng tương tác và nâng cao mức độ tin cậy của người nói. Điều này phù hợp với các

nghiên cứu trước đây cho rằng việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách có chú ý có thể ảnh hưởng đến cách khán giả đánh giá người nói (Azemi, 2021; Rodero, 2022). Bên cạnh đó, giao tiếp bằng mắt được xem là yếu tố quan trọng giúp người nói quan sát phản ứng của khán giả và duy trì sự tương tác trong quá trình thuyết trình (Altun, 2019; Gareis, 2006).

III. KẾT LUẬN

Kết quả định tính cho thấy sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh nhận thức rõ vai trò quan trọng của ngôn ngữ cơ thể trong bài thuyết trình. Sinh viên cho rằng ngôn ngữ cơ thể giúp truyền tải cảm xúc, tăng sự tự tin và tạo động lực giúp họ diễn đạt nhiều hơn khi nói. Ngoài ra, việc sử dụng cử chỉ, ánh mắt và chuyển động cơ thể hợp lý còn giúp kết nối với khán giả và làm cho bài thuyết trình trở nên sinh động. Nhìn chung, sinh viên nhận thức rằng ngôn ngữ cơ thể không chỉ hỗ trợ người nói biểu đạt hiệu quả nội dung mà còn giúp tăng sự tương tác và thu hút sự chú ý của khán giả vào bài thuyết trình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adams, K. (2022). The benefits of using effective body language in public speaking. *IOSR Journal of Research & Method in Education (IOSR-JRME)*, 12(5), 17–23. <https://bit.ly/4bd5ySO>
- Altun, M. (2019). An underestimated tool: Body language in classroom during teaching and learning. *International Journal of Social Sciences & Educational Studies*, 6(1), 155–170. <https://bit.ly/4bq6y4z>
- Ardito, C., Costabile, M. F., & Jetter, H. C. (2014). Gestures that people can understand and use. *Journal of Visual Languages & Computing*, 25(5), 572–576. <https://doi.org/10.1016/j.jvlc.2014.07.002>
- Azemi, I. (2021). Non-verbal communication in public appearance. *International Journal of Arts and Social Science*, 4(4), 256–267. <https://bit.ly/40AfjP>
- Chikiwa, C. (2021). Gestures and the spoken language: A crucial semiotic and symbiotic relationship in multilingual mathematics classes. *Eurasia Journal of Mathematics, Science and Technology Education*, 17(12), em2034. <https://doi.org/10.29333/ejmste/11279>
- Gareis, E. (2006). *Guidelines for public speaking*. Department of Communication Studies, Baruch College/CUNY, New York.
- Hadi, H. H., & Prasanna Sree, S. (2024). Exploring the role of body language in the speech delivery of EFL learners at the English Department of Helmand University. *International Journal of Innovative Research in Technology*, 11(5), 463–474. <https://bit.ly/470FqYG>
- Ho, T. H., Nguyen, T. D. T., Nguyen, T. T. L., & Tran, K. M. A. (2025). A study on the challenges EFL students faced with in public speaking and the proposed solutions. *Journal of Science and Technology-IUH*, 75(3), 209–222. <https://bit.ly/4bJ0sO5>
- Ismayilli, T., Mammadova, K., Ibrahimli, N., & Heyderova, N. (2025). Confirmation gestures, mimics and their effects on foreign language learning: Examples of EFL students. *Pegem Journal of Education and Instruction*, 15(2), 198–206. <https://doi.org/10.47750/pegegog.15.03.12>
- Jasuli, J., Hartatik, S. F., & Astuti, E. S. (2024). The impact of nonverbal communication on effective public speaking in English. *Journey: Journal of English Language and Pedagogy*, 7(2), 226–232. <https://doi.org/10.33503/journey.v7i2.834>
- Karatsareas, P. (2022). Semi-structured interviews. In R. Kircher, & L. Zipp (eds.), *Research methods in language attitudes* (pp. 99–113). Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/9781108867788.010>
- Kilag, O. K. T., Quimada, G. M., Contado, M. B., Macapobre, H. E., Rabi, J. I. I. A., & Peras, C. C. (2023). The use of body language in public speaking. *Science and Education*, 4(1), 393–406. <https://bit.ly/4uwUSGa>
- Li, Y., Gao, Y., & Zhang, D. (2016). To speak like a TED speaker—A case study of TED motivated English public speaking study in EFL teaching. *Higher Education Studies*, 6(1), 53–59. <http://dx.doi.org/10.5539/hes.v6n1p53>
- Lucas, S., & Stob, P. (2019). *The art of public speaking*. McGraw-Hill Education.
- Nguyen, N. (2025). The impacts of nonverbal communication on EFL students' speaking performance in Vietnamese

classroom. *Scientific Journal of Tan Trao University*, 10(3), 133–145. <https://doi.org/10.51453/2354-1431/2024/1166>

Oanh, P. T. K., Hoang, N. D., Huong, D. T. T., & Ngoc, N. T. B. (2016). The use of body language in speaking by English majors at Thai Nguyen University of Education, Vietnam. In Proceedings of the 4th International Conference on Language, Education, Humanities and Innovation, Bali (Indonesia), 16–17th September, 2016 (133–149). *Presented at the 4th International Conference on Language, Education, Humanities and Innovation, Bali (Indonesia)*, 16 Sep 2017–17 Sep 2025. <https://bit.ly/4cPY1uo>

Patel, D. S. (2014). Body language: An effective communication tool. *IUP Journal of English Studies*, 9(2), 90–95. <https://bit.ly/4uxouTA>

Pham, N. T., & Nguyen, P. H. (2026). English majors' perceptions of the effects of body language on public speaking. *Journal of English Linguistics and Literature Review*, 3(1), 1–13. <https://doi.org/10.71002/jellr.v3n1p1>

Rodero, E. (2022). Effectiveness, attractiveness, and emotional response to voice pitch and hand gestures in public speaking. *Frontiers in Communication*, 7, Article no. 869084.

<https://doi.org/10.3389/fcomm.2022.869084>

Sharma, Vidushi. (2024). Nonverbal communication: A powerful device for building strong interpersonal relationships. *Asian And Pacific Economic Review*, 17(1), 1–11.

<https://doi.org/10.13140/RG.2.2.30324.77442>